TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hưng.

Ông Đặng Công Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị X; cư trú tại: đường H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Tuấn L; cư trú tại: Canada (Ca-na-đa). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Phan Thị X, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khoảng 04 năm quen biết tìm hiểu về nhau trên mạng Internet thì bà và ông Trần Tuấn L đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo pháp luật Việt Nam; được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06 tháng 4 năm 2010. Sau khi kết hôn được 06 tháng thì ông L trở về Ca-na-đa. Trong những năm đầu ông L vẫn thường xuyên chu cấp tiền cho bà để chung tay cùng nuôi con, cũng như vợ chồng vẫn giữ liên lạc với nhau; tuy nhiên, đến năm 2016 thì ông L không còn chu cấp tiền cho bà và con nữa và liên lạc thì cũng gián đoạn dần; bà đã cố gắng bảo vệ mối quan hệ gia đình, tình cảm vợ chồng và khuyên nhủ ông L về Việt Nam sống với vợ con nhưng ông không đồng ý và đã cắt đứt toàn bộ liên lạc với bà từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

- Về con: Bà và ông Trần Tuấn L có 01 con chung tên Trần Phan Hiếu L, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2010. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà và ông Trần Tuấn L không có tài sản chung, cũng như nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Tuấn L không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của Bà Phan Thị X, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 126 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của Bà Phan Thị X đối với ông Trần Tuấn L.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Bà Phan Thị X, có Quốc tịch Việt Nam; địa chỉ cư trú tại đường H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng và bị đơn ông Trần Tuấn L, có Quốc tịch Canada; địa chỉ cư trú tại Canada (Ca-na-đa), nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn ông Trần Tuấn L bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Ca-na-đa cấp tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Bà Phan Thị X đối với ông Trần Tuấn L và yêu cầu ông L gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đến ngày 05-9-2019, Tòa án nhận được văn bản thông báo của Cơ quan có thẩm quyền Ca-na-đa là Bộ Tổng Chưởng lý Tòa án bang Ontario, Canada về việc tống đạt không thực hiện được do ông Trần Tuấn L đã chuyển đến địa chỉ mới nhưng không rõ địa chỉ mới. Còn nguyên đơn Bà Phan Thị X không thể thực hiện việc cung cấp địa chỉ mới của ông L theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên bà X đã yêu cầu và được Tòa án Thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài là Ban đối ngoại (VOV5), Đài tiếng nói Việt Nam về thời gian, địa điểm mở phiên tòa xét xử vụ án xin ly hôn của bà X đối với ông L, theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Tuấn L theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự nói trên.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Trần Tuấn L của Bà Phan Thị X thì thấy, sau khi trở về Ca-na-đa từ cuối năm 2010 cho đến nay ông L không quay lại Việt Nam để thăm vợ con và sau này đã không còn liên lạc, tin tức gì với nhau nữa, do đó hôn nhân của ông, bà là không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn ông L của bà X là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Phan Thị X và ông Trần Tuấn L có 01 con chung tên Trần Phan Hiếu L, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2010. Xét bà X có yêu cầu được giao trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung; nợ chung: Bà Phan Thị X và ông Trần Tuấn L không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình Bà Phan Thị X phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài Bà Phan Thị X phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 153, Điều 464, Điều 469 và điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của Bà Phan Thị X đối với ông Trần Tuấn L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Phan Thị X được ly hôn với ông Trần Tuấn L.

2. Về con:

Giao con chung tên Trần Phan Hiếu L, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2010 cho Bà Phan Thị X trực tiếp nuôi.

Ông Trần Tuấn L không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, Bà Phan Thị X và ông Trần Tuấn L có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Phan Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 001606 ngày 02 tháng 01 năm 2019, của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

4. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Phan Thị X phải chịu 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai số 001629 ngày 29 tháng 01 năm 2019, của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà X đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

5. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Phan Thị X không phải chịu chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp Ca-na-đa. Hoàn trả cho bà X 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo biên lai số 001628 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

6. Nguyên đơn Bà Phan Thị X có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn ông Trần Tuấn L không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hưng **Đặng Công Thắng** **Ngô Hà Nam**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam